

Số: /GP-UBND

Thanh Hoá, ngày tháng năm 2023

**GIẤY PHÉP KHAI THÁC KHOÁNG SẢN
ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 17/11/2010; Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khoáng sản;

Căn cứ Chỉ thị số 38/CT-TTg ngày 29/9/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp tục tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với các hoạt động thăm dò, khai thác, chế biến, sử dụng và xuất khẩu khoáng sản;

Căn cứ Quyết định số 153/QĐ-TTg ngày 27/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tỉnh Thanh Hóa thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016; Thông tư số 51/2017/TT-BTNMT ngày 30/11/2017 bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản, mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản, hồ sơ đóng cửa mỏ khoáng sản;

Căn cứ Quyết định số 2693/QĐ-UBND ngày 04/7/2019 và Quyết định số 502/QĐ-UBND ngày 10/02/2020 của UBND tỉnh về việc phê duyệt khu vực đấu giá và không đấu giá quyền khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 3661/QĐ-UBND ngày 06/11/2012 và Quyết định số 2063/QĐ-UBND ngày 15/6/2016, được điều chỉnh tại Quyết định số 3796/QĐ-UBND ngày 03/10/2018 của UBND tỉnh; Quyết định số 180/QĐ-UBND ngày 15/01/2021 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản mỏ đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại núi Hang Cá, thị trấn Yên Lâm, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Giấy phép số 277/GP-UBND ngày 05/8/2014 của UBND tỉnh về việc cho phép Công ty TNHH khai thác và chế biến đá Hưng Thịnh (trước đây là Doanh nghiệp tư nhân Phương Hương) khai thác khoáng sản và thuê đất mỏ đá

vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại xã Yên Lâm (nay là thị trấn Yên Lâm), huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Quyết định số 4590/QĐ-UBND ngày 16/11/2021, gia hạn tại Quyết định số 1550/QĐ-UBND ngày 10/5/2023 của UBND tỉnh về việc chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư Dự án mở rộng và nâng công suất khai thác mỏ đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại thị trấn Yên Lâm, huyện Yên Định đối với Công ty TNHH khai thác và chế biến đá Hưng Thịnh;

Căn cứ Quyết định số 1100/QĐ-UBND ngày 31/3/2022 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án đầu tư mở rộng và nâng công suất khai thác mỏ đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại núi Hang Cá, thị trấn Yên Lâm, huyện Yên Định của Công ty TNHH khai thác và chế biến đá Hưng Thịnh;

Xét Đơn kèm hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép khai thác khoáng sản của Công ty TNHH khai thác và chế biến đá Hưng Thịnh;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường Thanh Hóa tại Tờ trình số 726/TTr-STNMT ngày 03 tháng 7 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép Công ty TNHH khai thác và chế biến đá Hưng Thịnh (Mã số doanh nghiệp: 2801048952 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp; địa chỉ: Nhà ông Lê Văn Thu, thôn Đức Thắng, xã Đông Quang, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa) được khai thác đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường bằng phương pháp lộ thiên tại mỏ đá vôi thị trấn Yên Lâm, huyện Yên Định, cụ thể như sau:

- Diện tích mỏ: 77.089 m², trong đó:

+ Diện tích khu vực khai thác là 69.068 m², gồm: Khu vực 1 (K1) có diện tích là 9.068 m² được giới hạn bởi các điểm góc 1, 4, 5 và 6; Khu vực 2 (K2) có diện tích là 10.000 m² được giới hạn bởi các điểm góc 4, 5, 7 và 8; Khu vực 3 (K3) có diện tích là 50.000 m² được giới hạn bởi các điểm góc 6, 5, 7, 10 và 11.

+ Diện tích khai trường là 8.021 m², gồm: Khu vực khai trường 1 (KT1) có diện tích là 4.921 m² được giới hạn bởi các điểm góc 1, 2, 3 và 4; Khu vực khai trường 2 (KT2) có diện tích là 3.100 m² được giới hạn bởi các điểm góc 3, 4, 8 và 9.

(có toạ độ xác định tại Phụ lục và trên Bản đồ khu vực mỏ kèm theo).

- Mức sâu khai thác:

+ Khu vực khai thác 1, 2 (K1, K2): Đến cos + 23 m.

+ Khu vực khai thác 3 (K3): Đến cos + 60 m.

- Tổng trữ lượng khoáng sản được phép đưa vào thiết kế khai thác: 3.304.391 m³, trong đó có 230.485 m³ đá khối để xẻ. Trong đó:

+ Trữ lượng khoáng sản được phép đưa vào thiết kế khai thác còn lại tại khu vực mỏ cũ (đã được UBND tỉnh cấp Giấy phép khai thác số 277/GP-UBND ngày 05/8/2014; phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản tại Quyết định số 1317/QĐ-UBND ngày 06/5/2014, đơn vị đã thực hiện nộp tiền cấp quyền xong đối với trữ lượng này) là: 280.277 m³ - (30.517 + 3.305 + 1.667) m³ = 244.788 m³, trong đó có 16.314 m³ đá khối để xẻ.

+ Trữ lượng khoáng sản được phép đưa vào thiết kế khai thác tại khu vực mỏ mở rộng (chưa được cấp phép khai thác, chưa phê duyệt tiền cấp quyền khai thác) là: (153.694 + 2.905.909)m³ = 3.059.603 m³, trong đó có 214.171 m³ đá khối để xẻ.

- Trữ lượng khai thác: 2.024.736 m³, trong đó có 141.790 m³ đá khối để xẻ.

- Phương pháp khai thác: Lộ thiên.

- Công suất khai thác: 69.000 m³/năm.

- Thời hạn khai thác: 29 năm 04 tháng kể từ ngày Giấy phép này có hiệu lực, trong đó thời gian xây dựng cơ bản mỏ là 04 tháng.

Điều 2. Công ty TNHH khai thác và chế biến đá Hưng Thịnh có trách nhiệm:

1. Nộp lệ phí cấp giấy phép khai thác khoáng sản, các khoản phí, lệ phí có liên quan theo quy định hiện hành.

2. Nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đối với khu vực mỏ mở rộng theo quy định.

3. Tiến hành hoạt động khai thác theo đúng tọa độ, diện tích, mức sâu, trữ lượng, công suất quy định tại Điều 1 của Giấy phép này.

4. Trước khi tiến hành khai thác, phải nộp thiết kế mỏ được lập, thẩm định, phê duyệt theo đúng quy định của pháp luật cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định; báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường để kiểm tra tại thực địa, xác định tọa độ, mặt bằng khai thác và cắm mốc giới hạn phạm vi khu vực được phép khai thác; phải thực hiện thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng đất, thuê đất theo quy định của pháp luật.

5. Thực hiện đầy đủ nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án khai thác khoáng sản được UBND tỉnh phê duyệt và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; thực hiện việc ký quỹ phục hồi môi trường theo quy định.

6. Trong quá trình khai thác, phải thực hiện đúng và đầy đủ các phương pháp, quy trình kỹ thuật, bảo đảm an toàn kỹ thuật, an toàn công trình mỏ; phải có các biện pháp phòng, chống các sự cố, bảo đảm an toàn lao động và các quy định khác có liên quan về an toàn trong khai thác mỏ;

Phải thu hồi tối đa sản phẩm khai thác từ mỏ và các sản phẩm khác (nếu có); báo cáo đúng sản lượng khai thác, chế biến, sử dụng khoáng sản cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

7. Việc quản lý, sử dụng khoáng sản khai thác, chế biến phải thực hiện đúng theo quy định của pháp luật hiện hành;

8. Thường xuyên thực hiện việc kiểm soát các khu vực khai thác, chế biến, các công trình phụ trợ và các khu vực khác có liên quan; bảo vệ tài nguyên khoáng sản, bảo đảm an toàn, trật tự mỏ theo quy định của pháp luật;

Trường hợp có dấu hiệu không đảm bảo an toàn, phải dừng ngay hoạt động khai thác, chế biến, đồng thời có biện pháp khắc phục kịp thời và báo cáo ngay bằng văn bản cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền để xử lý theo quy định của pháp luật.

9. Thực hiện việc đóng cửa mỏ; phục hồi môi trường, đất đai sau khai thác; báo cáo định kỳ trong hoạt động khoáng sản theo quy định của pháp luật về khoáng sản và các quy định khác có liên quan.

Điều 3. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế các nội dung có liên quan đến việc khai thác khoáng sản của Công ty TNHH khai thác và chế biến đá Hưng Thịnh tại Giấy phép số 277/GP-UBND ngày 05/8/2014 của UBND tỉnh; các nội dung có liên quan đến việc thuê đất đối với phần diện tích 13.989m² của Công ty TNHH khai thác và chế biến đá Hưng Thịnh tiếp tục thực hiện theo Giấy phép số 277/GP-UBND ngày 05/8/2014 của UBND tỉnh.

Trước khi tiến hành khai thác tại phần diện tích mở rộng 63.100 m², Công ty TNHH khai thác và chế biến đá Hưng Thịnh phải thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật có liên quan và các quy định tại Giấy phép này; hoàn thành hồ sơ đầu tư, xây dựng, đất đai và các thủ tục có liên quan theo quy định; nộp cho Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thanh Hóa thiết kế mỏ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định; đăng ký ngày bắt đầu khai thác, thông báo về giám đốc điều hành mỏ, kế hoạch khai thác, chế biến tại cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền theo quy định./.

Nơi nhận:

- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh (b/c);
- Cục Khoáng sản (b/c);
- Các Sở: TN&MT, Xây dựng;
- UBND huyện Yên Định;
- UBND thị trấn Yên Lâm;
- Công ty TNHH khai thác và chế biến đá Hưng Thịnh;
- Lưu VT, CN (T07.15).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Đức Giang

**TỌA ĐỘ KHU VỰC KHAI THÁC KHOÁNG SẢN MỎ ĐÁ VÔI LÀM
VẬT LIỆU XÂY DỰNG THÔNG THƯỜNG TẠI THỊ TRẤN YÊN LÂM,
HUYỆN YÊN ĐỊNH, TỈNH THANH HÓA**

*(Phụ lục kèm theo Giấy phép khai thác khoáng sản số /GP-UBND
ngày tháng năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa)*

Khu vực	Điểm góc	Tọa độ VN2000 <i>Kinh tuyến trục 105⁰, múi chiếu 3⁰</i>	
		X (m)	Y (m)
Khu vực khai thác 1 (K1) S = 9.068 m ²	1	2220 185,00	552 653,00
	4	2220 123,90	552 731,80
	5	2220 044,70	552 687,90
	6	2220 107,00	552 606,80
Khu vực khai thác 2 (K2) S = 10.000 m ²	4	2220 123,90	552 731,80
	5	2220 044,70	552 687,90
	7	2219 978,46	552 774,32
	8	2220 075,94	552 835,60
Khu vực khai thác 3 (K3) S = 50.000 m ²	6	2220 107,00	552 606,80
	5	2220 044,70	552 687,90
	7	2219 978,46	552 774,32
	10	2219 795,45	552 761,39
	11	2219 898,01	552 502,24
Khu vực khai trường 1 (KT1) S = 4.921 m ²	1	2220 185,00	552 653,00
	2	2220 228,00	552 679,10
	3	2220 168,60	552 756,50
	4	2220 123,90	552 731,80
Khu vực khai trường 2 (KT2) S = 3.100 m ²	3	2220 168,60	552 756,50
	4	2220 123,90	552 731,80
	8	2220 075,94	552 835,60
	9	2220 078,19	552 837,01